

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2019/DS-ST
Ngày 13-8-2019
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tòng Thị Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lèo Thị Chan

2. Bà Bùi Thị Đào

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trúc Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Phạm Minh Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 06/2019/TLST-TC ngày 07 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp quyền sử dụng đất theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2019/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị S, ông Vi Quang T. Địa chỉ: Tiểu khu X, thị trấn M, huyện C, tỉnh Sơn La. Có mặt

2. Bị đơn: Chị Quàng Thị Vân L. Địa chỉ: Tiểu khu Y, thị trấn M, huyện C, tỉnh Sơn La. Có mặt.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- UBND huyện C, tỉnh Sơn La. Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn H – Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường. Có mặt.

- Bà Lê Thị Th. Địa chỉ: Tiểu khu Y, thị trấn M, huyện C, tỉnh Sơn La. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/11/2018, bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án:

Nguyên đơn bà Hoàng Thị S, ông Vi Quang T trình bày:

Năm 2003, bà Hoàng Thị S, ông Vì Quang T nhận chuyển nhượng của ông Lữ Văn B một mảnh đất có diện tích 220 m² tại bản N, xã VL, huyện C, tỉnh Sơn La với giá 25.000.000 đồng từ diện tích đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) mang tên Lữ Văn B do Ủy ban nhân dân huyện C (UBND) cấp ngày 26/10/1999. Việc mua bán có làm giấy tờ viết tay. Tuy nhiên không làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngay theo quy định của pháp luật.

Đến năm 2008, hai bên mới làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định. Ngày 08/4/2008, bà Hoàng Thị S, ông Vì Quang T được UBND huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG472440, diện tích 246m² (rộng 12m, dài 20,5m). Đất có phía bắc giáp đất thị trấn M, phía Đông giáp đất ông Lữ Văn B, phía Tây giáp đất bà Lê Thị Th, phía Bắc giáp đường Quốc lộ 6. Năm 2010, gia đình bà S, ông T tiến hành san ủi để lấy mặt bằng. Gia đình ông bà đã mời cán bộ địa chính xã và các hộ giáp ranh đến đo đạc và cắm mốc ranh giới đất.

Năm 2013, bà Lê Thị Th chuyển nhượng thửa đất giáp ranh với đất nhà bà S, ông T cho con gái là Quàng Thị Vân L. Khi làm chuyển nhượng không mời gia đình bà đến xác minh ranh giới.

Ngày 30/03/2018, bà S được UBND xã VL mời đến để xác minh lại ranh giới đất giữa gia đình bà S và chị L. Quá trình đo đạc, bà S phát hiện diện tích đất của gia đình bị giảm đi: kích thước mặt giáp đường Quốc lộ 6 chỉ còn 8,53m, kích thước phía sau chỉ còn 8,0m (theo GCNQSDĐ là 12m) còn kích thước đất nhà bà Th (bao gồm các mảnh đã chia cho các con) tăng lên: kích thước mặt giáp đường Quốc lộ 6 là 32m, kích thước phía sau là 32m (so với GCNQSDĐ năm 2002 của bà Th là 28,53m và 29m). Bà S, ông T xác định phía bà Lê Thị Th có sự lấn chiếm sang phần đất của bà, phần đất lấn chiếm đã được tặng cho con gái Quàng Thị Vân L và đã được UBND huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Do vậy, bà S, ông T làm đơn đến Tòa án đề nghị buộc chị Quàng Thị Vân L phải trả lại phần đất đã lấn chiếm (chiều rộng trước giáp đường Quốc lộ 6 là 3,47m, kích thước 20,5m, rộng sau 3m đồng thời có đề nghị Tòa án cấp sơ thẩm tuyên hủy GCNQSDĐ số BE 703867 do UBND huyện C ngày 10/12/2013 mang tên Quàng Thị Vân L.

Bị đơn chị Quàng Thị Vân L trình bày:

Năm 2013, chị được mẹ là bà Lê Thị Th tặng cho một mảnh đất tại Tiểu khu Y, thị trấn M, huyện C, tỉnh Sơn La có diện tích 150m² có tứ cận phía Bắc giáp đất nhà bà Lê Thị Th là 10m, phía Đông giáp đất bà Lê Thị Th, bà Quàng Thị V tổng kích thước là 15m, phía Tây giáp đất xã VL là 15m, phía nam giáp đường Quốc lộ 6 là 10m. Hai bên đã tiến hành thủ tục tặng cho theo đúng quy định của pháp luật, đất đã được cấp GCNQSDĐ số BE 703867 do UBND huyện C cấp ngày 10/12/2013. Từ khi được cấp GCNQSDĐ đến khi xảy ra tranh chấp, đất vẫn giữ nguyên hiện trạng như khi được chuyển nhượng. Do chưa có nhu cầu sử dụng nên chị L cũng không thực hiện việc xây dựng tường rào khoanh

bảo vệ đất. Ranh giới để phân định với đất bà S, ông T vẫn là ranh giới cũ từ khi còn là đất của bà Th và được xác định bằng cột mốc 364 phân chia đất giữa thị trấn M và xã VL (đất của chị L là đất thuộc địa phận thị trấn M còn đất bà S, ông T là đất thuộc địa phận xã VL). Chị L xác định không lấn chiếm đất của bà S, ông T.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan –bà Lê Thị Th trình bày:

Gia đình bà Lê Thị Th lên sinh sống tại huyện C, tỉnh Sơn La từ năm 1978 và được ông Lữ Văn H (trú tại bản N, xã VL, huyện C) cho một mảnh đất để làm nhà và canh tác (mảnh đất trên sau này đã được cấp GCNQSDĐ mang tên Lê Thị Th) và sử dụng ổn định từ đó đến nay. Năm 1993-1994, nhà nước tiến hành cắm mốc lộ giới phân định địa giới hành chính. Đất của gia đình bà thuộc địa phận tiểu khu 1 (nay là tiểu khu Y, thị trấn M, huyện C). Đến năm 2002, bà Th thực hiện thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất và được UBND huyện C cấp GCNQSDĐ đối với diện tích đất hơn 700m², có tứ cận phía Bắc giáp đất ông Đinh Văn A, phía Đông giáp đất ông Lò Văn Ph (trước là của ông Lò Văn P – bố đẻ ông Ph), phía Tây giáp đất xã VL, phía Nam giáp đường Quốc lộ 6 (phần giáp đường quốc lộ 6 có kích thước 28,53m). Quá trình sử dụng vẫn lấy mốc lộ giới 364 mà Nhà nước đã cắm làm mốc phân chia ranh giới sử dụng đất. Cũng trong thời gian đó, bà Th định làm thủ tục để cấp GCNQSDĐ cho con gái là Quàng Thị V1 và Quàng Thị V (trước đó, cuối năm 2001, chị V1 đã mua lại của ông Lữ Văn Ph một diện tích đất có kích thước 4m giáp mặt đường Quốc lộ 6) cùng với việc bà Th tặng cho một phần đất của mình cho chị V1, chị V. Tuy nhiên do thủ tục phức tạp nên cán bộ địa chính xác định để gộp phần đất chị V1 mua vào sổ của bà Th rồi sau đó mới tách, bà Th nhất trí. Ngày 24/3/2004, bà Th được phòng địa chính mời xuống nhận sổ mới gồm sổ của bà, sổ của chị Quàng Thị V và sổ của chị Quàng Thị V1 (đã gộp phần đất mua thêm của ông Ph và tách cho chị V1 11m kích thước mặt đường Quốc lộ 6, tách cho chị V 11m kích thước mặt đường Quốc lộ 6 giáp đất chị V1), mặc dù bị thiếu 0,53m mặt đường Quốc lộ 6 nhưng bà vẫn nhất trí.

Năm 2013, bà Th tiếp tục tặng cho con gái là chị Quàng Thị Vân L diện tích 150m² đất (đất có kích thước 10m giáp đường quốc lộ 6 là phần đất giáp đường Quốc lộ 6 còn lại của bà Th sau khi đã tặng cho 2 con gái là chị V1, chị V). Thủ tục tặng cho được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Sau đó chị L đã được cấp GCNQSDĐ. Theo bà Th được biết, phần đất thuộc xã VL giáp ranh đất nhà bà Th là đất của ông Lữ Văn B. Việc mua bán, chuyển nhượng đất giữa bà S, ông T với ông B như thế nào bà không được biết. Phần đất bà tặng cho vẫn được giữ nguyên hiện trạng từ khi bà còn sử dụng cho đến khi xảy ra tranh chấp. Bà Th xác định quá trình sử dụng cũng như tách sổ, bà hay con gái bà (Th) không có sự lấn chiếm sang đất nhà bà S, ông T.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan – UBND huyện C trình bày:

Thị trấn M thành lập tháng 2/1988. Thực hiện chỉ thị 364 của Chính phủ, việc cắm mốc lộ giới diễn ra năm 1993-1994. Việc cấp GCNQSDĐ đối với xã VL thực hiện năm 1999, đối với thị trấn M thực hiện năm 2002. Ranh giới sử

dụng đất của nhà bà Th, ông B trùng với ranh giới địa giới hành chính giữa thị trấn M và xã VL (được phân định bởi mốc lộ giới 364 vẫn còn nguyên trạng). Trên diện tích đất của bà Th, ông B có hệ thống đường dây điện 35KV chạy qua. Quá trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không trừ phần đất hành lang đường điện mà chỉ trừ phần đất làm móng néo, móng cột và vị trí đặt trạm. Phần diện tích dưới hành lang đường điện vẫn được cấp cho các hộ tuy nhiên bị hạn chế sử dụng. Năm 2008, khi bà S làm thủ tục chuyển nhượng với ông B; năm 2013, khi bà Th làm thủ tục tặng cho với chị L thì phần giáp ranh của hai hộ đều chỉ ghi giáp ranh đất của xã VL, của thị trấn M. Việc lập hồ sơ cấp đất cho 2 hộ gia đình trên đều được thực hiện đúng, đủ quy trình. Do đó không có cơ sở pháp lý để hủy GCNQSDĐ của bà Quảng Thị Vân L như yêu cầu trong đơn khởi kiện của bà Hoàng Thị S, ông Vi Quang T. Đối với việc chuyển nhượng giữa bà Th, bà V1 với ông Ph năm 2001 thực hiện trước thời điểm có chủ trương cấp GCNQSDĐ nên giấy tờ không có lưu giữ.

Quá trình xem xét thẩm định tại chỗ xác định:

Tổng diện tích đất đang tranh chấp là 67,3m². Trong đó:

- Phần đất đang tranh chấp giữa bà Hoàng Thị S, ông Vi Quang T và bà Quảng Thị Vân L có diện tích 45m² hiện nằm trong GCNQSDĐ mang tên Quảng Thị Vân L do UBND huyện C cấp năm 2003, có tứ cận như sau:

- + Phía Tây Bắc, từ điểm 1 đến điểm 2 có kích thước 13,5m;
- + Phía Tây Nam, từ điểm 2 đến điểm 5 có kích thước 3,3m;
- + Phía Đông Nam, từ điểm 5 đến điểm 6 có kích thước 13,5m;
- + Phía Đông Bắc, từ điểm 6 đến điểm 1 có kích thước 3,5m.

- Phần đất tranh chấp nằm vào GCNQSDĐ mang tên Lê Thị Th do UBND huyện C cấp năm 2004 có diện tích 22,3m², có tứ cận như sau:

- + Phía Tây Bắc, từ điểm 2 đến điểm 3 có kích thước 7,0m;
- + Phía Tây Nam, từ điểm 3 đến điểm 4 có kích thước 3,1m;
- + Phía Đông Nam, từ điểm 4 đến điểm 5 có kích thước 6,0m;
- + Phía Đông Bắc, từ điểm 5 đến điểm 2 có kích thước 3,3m.

Tài sản trên đất: Không có.

Tranh tụng tại phiên tòa:

Ý kiến của nguyên đơn:

Đề nghị giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện, yêu cầu chị Quảng Thị Vân L trả lại diện tích đất đã lấn chiếm và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện C cấp cho chị L.

Ý kiến của bị đơn:

Không nhất trí với nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan – bà Lê Thị Th:

Không nhất trí với nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Đại diện Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Sơn La:

Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La giải quyết theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo chấp hành đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, không có vi phạm.

Về việc giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Thị S, ông Vi Quang T về việc buộc bị đơn Quàng Thị Vân L phải trả lại diện tích đất có kích thước đất giáp mặt đường Quốc lộ 6 là 3,47m (theo biên bản xác minh, thẩm định tại chỗ là 3,5m), kích thước phía sau là 3m (theo biên bản xác minh, thẩm định tại chỗ là 3,1m) và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 703867 mang tên Quàng Thị Vân L do UBND huyện C cấp ngày 10/12/2013.

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận nên buộc nguyên đơn phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu nội dung đơn khởi kiện, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, lời trình bày của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền:

Bà Hoàng Thị S, ông Vi Quang T khởi kiện vụ án với nội dung xác định một phần diện tích đất nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình ông bà bị chị Quàng Thị Vân L lấn chiếm và đã được cấp GCNQSDĐ mang tên Quàng Thị Vân L do đó bà S, ông T yêu cầu chị L phải trả lại phần diện tích đã lấn chiếm đó, còn bị đơn Quàng Thị Vân L xác định đất mà bị đơn được cấp GCNQSDĐ được tặng cho một cách hợp pháp, đã được cấp GCNQSDĐ theo đúng quy trình. Phần diện tích nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả là phần diện tích đất thuộc sở hữu hợp pháp của bị đơn nên không nhất trí với

yêu cầu của nguyên đơn. Do vậy, quan hệ pháp luật được xác định trong vụ án này là Tranh chấp quyền sử dụng đất.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn xác định phần một phần diện tích đất thuộc sở hữu hợp pháp của nguyên đơn đã bị cấp chồng vào GCNQSDĐ của bị đơn nên yêu cầu Hủy GCNQSDĐ của bị đơn. Căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 34 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, khoản 4 Điều 32 Luật tố tụng hành chính năm 2015 thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

[1.2] Về những người tham gia tố tụng

Căn cứ đơn khởi kiện, quá trình thụ lý vụ án xác định đồng bị đơn trong vụ án là chị Quàng Thị Vân L, anh Lò Xuân Q. Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án, căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ lời khai của bà Lê Thị Th, chị Quàng Thị Vân L, anh Lò Xuân Q xác định: Diện tích đất theo GCNQSDĐ số BE 703867 do UBND huyện C cấp ngày 10/12/2013 được bà Lê Thị Th tặng cho riêng chị Quàng Thị Vân L, quá trình chung sống, mảnh đất trên không được đưa vào là tài sản chung của chị L, anh Q. Anh Lò Xuân Q không liên quan đến sự việc tranh chấp. Do vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La đã chấm dứt tư cách tố tụng của anh Lò Xuân Q được xác định trong quá trình thụ lý vụ lý.

2/ Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xét thấy:

Nguyên đơn xác định một phần diện tích đất (chiều rộng giáp mặt đường Quốc lộ 6 3,47m, chiều rộng phía sau 3m) thuộc sở hữu hợp pháp của nguyên đơn Hoàng Thị S, Vi Quang T đã bị lấn chiếm và được cấp vào GCNQSDĐ của bị đơn Quàng Thị Vân L.

Quá trình Tòa án thu thập tài liệu chứng cứ xác định: Diện tích đất nằm trong GCNQSDĐ mang tên Quàng Thị Vân L có nguồn gốc tặng cho từ diện tích đất của bà Lê Thị Th được cấp GCNQSDĐ năm 2002. Tại thời điểm cấp năm 2002, phần chiều dài đất giáp mặt đường Quốc lộ 6 của bà Th là 28,53m. Năm 2004, bà Th thực hiện việc tặng cho 02 người con là Quàng Thị V1 và Quàng Thị V. Theo GCNQSDĐ của chị Quàng Thị V1 và Quàng Thị V thì mỗi người sở hữu diện tích đất có chiều dài đất giáp mặt đường Quốc lộ 6 là 11m. Phần chiều dài đất giáp mặt đường Quốc lộ 6 còn lại của đất bà Th là 10m. Như vậy, tại thời điểm năm 2004, phần chiều dài đất giáp mặt đường Quốc lộ 6 của bà Th tăng từ 28,53m lên 32m. Bà Lê Thị Th xác định cuối năm 2001, chị Quàng Thị V1 (con gái bà) đã mua lại của ông Lữ Văn Ph một diện tích đất có kích thước 4m giáp mặt đường Quốc lộ 6, việc mua bán có làm giấy tờ. Khi đi làm GCNQSD cho các con, bà Th tặng cho một phần đất của mình cho chị V1, chị V. Tuy nhiên do thủ tục phức tạp nên cán bộ địa chính xác định để gộp phần đất chị V1 mua vào sổ của bà Th rồi sau đó mới tách, bà Th nhất trí. Ngày 24/3/2004, bà Th được phòng địa chính mời xuống nhận sổ mới gồm sổ của bà, sổ của chị Quàng Thị V và sổ của chị Quàng Thị V1 (đã gộp phần đất mua thêm của ông Ph và tách cho chị V1 11m kích thước mặt đường Quốc lộ 6, tách cho chị V 11m kích thước mặt đường Quốc lộ 6 giáp đất chị V1), mặc dù bị thiếu

0,53m mặt đường Quốc lộ 6 nhưng bà vẫn nhất trí. Tiến hành lấy lời khai của ông Lò Văn Ph (trú tại bản N, xã VL, huyện C, tỉnh Sơn La), ông Ph xác nhận sự có sự việc mua bán đất giữa ông và bà Quảng Thị V1 như bà Lê Thị Th trình bày (khi đó ông đang còn cư trú ở tiểu khu Y, thị trấn M). Tiến hành lấy lời khai của ông Tống Xuân D – tiểu khu trưởng tiểu khu Y thời điểm năm 2001, ông D xác nhận có biết việc bà Th, bà V1 mua bán đất với ông Ph. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ là giấy biên nhận bán đất giữa gia đình ông Lò Văn Ph và chị Quảng Thị V1, xác định nội dung phù hợp với lời khai của các bên. Tiến hành lấy ý kiến của UBND huyện C về thủ tục chuyển nhượng đất trên, xác định việc mua bán đất diễn ra trước khi thực hiện trước thời điểm có chủ trương cấp GCNQSDĐ nên giấy tờ không có lưu giữ. Thời điểm bà Th, chị V1, chị V được cấp GCNQSDĐ (năm 2002,2004) đều trước khi bà S, ông T được cấp GCNQSDĐ (năm 2008). Do đó xác định diện tích đất tăng thêm của bà Lê Thị Th là hợp pháp, không lấn chiếm.

Cũng theo lời khai của các bên đương sự, tài liệu có trong hồ sơ thể hiện năm 2003, bà Hoàng Thị S, ông Vi Quang T có nhận chuyển nhượng một mảnh đất của ông Lữ Văn B nhưng chỉ làm giấy viết tay, không làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định, mãi đến năm 2008, mới tiến hành làm thủ tục đăng ký. Diện tích chuyển nhượng là 246m², có chiều dài giáp mặt đường Quốc lộ 6 là 12m, được tách từ phần diện tích đất 880,9m² của ông Lữ Văn B thuộc thửa số 13a, 13b tờ bản đồ số 329423 -1a, được cấp GCNQSDĐ số N 568193 mang tên Lữ Văn B do UBND huyện C cấp ngày 26/01/1999. Phần chiều dài đất giáp mặt đường Quốc lộ 6 của ông Lữ Văn B trước khi chuyển nhượng (bao gồm 12m chiều dài đất giáp mặt đường Quốc lộ 6 đã chuyển nhượng cho bà S, ông T) là 39m (đã được UBND xã VL xác định sau khi đối chiếu GCNQSDĐ và bản đồ giao đất của ông Lữ Văn B, thể hiện trong biên bản hòa giải tranh chấp đất đai ngày 24/8/2018, thông báo số 11/TB-UBND ngày 25/6/2018 của UBND xã VL thông kết quả giải quyết đơn của bà Hoàng Thị S). Quá trình Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ phần diện tích đất tranh chấp giữa các bên, căn cứ trên việc nguyên đơn xác định vị trí đất giáp ranh với bị đơn xác định, tổng chiều dài đất giáp mặt đường của ông Lữ Văn B và bà Hoàng Thị S, ông Vi Quang T (theo bà S chỉ) là 42,2m - vượt quá so với chiều dài đất giáp mặt đường Quốc lộ 6 mà ông B đã được cấp là 3,2m. Xác định trên phần đất này có hành lang đường điện 35KV chạy qua. Tiến hành làm việc với đại diện UBND huyện C, đại diện Điện lực huyện C xác định, phần diện tích đất nằm dưới hành lang đường điện đi qua là phần diện tích đất bị hạn chế sử dụng và vẫn được cấp vào GCNQSDĐ của các hộ dân. Do vậy chiều dài đất giáp mặt đường Quốc lộ 6 mà ông Sán đã được cấp là liền mạch. Mặt khác, tại khu vực đất tranh chấp, có 01 cột mốc 364 (cột mốc phân định địa giới hành chính) phân định địa giới xã VL và thị trấn M. Vị trí cột mốc được đại diện UBND huyện C xác định là cố định, không có sự chuyển dời. Đối chiếu vị trí cột mốc 364 với vị trí ranh giới do nguyên đơn, bị đơn tự xác định, đối chiếu phần bản đồ địa chính giáp ranh giữa xã VL và thị trấn M thì ranh giới giáp ranh do nguyên đơn xác định là không phù hợp, ranh giới giáp ranh do bị đơn xác định là phù hợp. Do đó, có căn cứ

xác định, vị trí phần diện tích đất mà nguyên đơn được cấp GCNQSDĐ được tiếp nối từ phần diện tích đất mà bị đơn đã được cấp GCNQSDĐ, không có sự chồng lấn, không có sự lấn chiếm (có sơ đồ kèm theo).

Từ những nhận định, phân tích nêu trên, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hoàng Thị S, Vì Quang T về việc buộc bị đơn Quảng Thị Vân L phải trả lại diện tích đất có kích thước đất giáp mặt đường Quốc lộ 6 là 3,47m (theo biên bản xác minh, thẩm định tại chỗ là 3,5m), kích thước phía sau là 3m (theo biên bản xác minh, thẩm định tại chỗ là 3,1m) và yêu cầu hủy GCNQSD số BE 703867 mang tên Quảng Thị Vân L do UBND huyện C cấp ngày 10/12/2013 là không có căn cứ, không được chấp nhận.

3/ Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận nên là nguyên đơn phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản ngày 15/5/2019 là 6.883.000 đồng.

4/ Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 203 Luật đất đai năm 2013; khoản 4 Điều 34, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, Điều 165, Điều 166 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 4 Điều 32 Luật tố tụng hành chính năm 2015; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Thị S, ông Vì Quang T về việc buộc bị đơn Quảng Thị Vân L phải trả lại diện tích đất có kích thước đất giáp mặt đường Quốc lộ 6 là 3,47m (theo biên bản xác minh, thẩm định tại chỗ là 3,5m), kích thước phía sau là 3m (theo biên bản xác minh, thẩm định tại chỗ là 3,1m) và yêu cầu hủy GCNQSD số BE 703867 mang tên Quảng Thị Vân L do UBND huyện C cấp ngày 10/12/2013.

Vị trí thửa đất được cấp GCNQSDĐ của các bên được xác định theo sơ đồ kèm theo.

2. Về chi phí tố tụng:

Nguyên đơn bà Hoàng Thị S, ông Vì Quang T phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản ngày 15/5/2019 là 6.883.000 đồng. Nguyên đơn đã nộp đủ.

3. Về án phí:

Nguyên đơn bà Hoàng Thị S, ông Vì Quang T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0002753 ngày 07/01/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Sơn La (do bà Hoàng Thị X nộp thay), nguyên đơn đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bị đơn Quàng Thị Vân L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 13/8/2019).

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- Cục THADS tỉnh Sơn La;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THA;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Tòng Thị Hiền

